

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2216/2024/N2410.50

Khách hàng	: Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ	: Số 3, đường 9, VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chẩn, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Loại mẫu	: Nước thải
Ngày lấy mẫu	: 14/10/2024 Ngày thử nghiệm : 14/10/2024 – 29/10/2024
Thông tin về mẫu	: N2410.50: Mẫu nước thải tại cửa xả thải ra KCN VSIP
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	Tiêu chuẩn
				N2410.50	VSIP
1	pH	-	TCVN 6492:2011	8,84	6 – 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023	28,4	40
3	BOD ₅ (20°C)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	46	400
4	COD	mg/L	SMEWW 5220.C:2023	83	600
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	15	400
6	N-NH ₄ ⁺	mg/L	TCVN 6179-1:1996	6,92	8
7	Tổng Nito	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023	10,6	20
8	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,37	5
9	As	mg/L	SMEWW 3114B:2023	<0,0015	0,05
10	Hg	mg/L	TCVN 7877:2008	<0,0009	0,005
11	Pb	mg/L	SMEWW 3111C:2023	<0,0075	0,1
12	Cd	mg/L	SMEWW 3111C:2023	<0,0021	0,05
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	1,2	5
14	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	4600	5000

Ghi chú:

- Tiêu chuẩn VSIP: Tiêu chuẩn nước thải cho phép thải vào hệ thống chung của VSIP Bắc Ninh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

CÁN BỘ QA/QC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Thơm

Trần Mạnh Quân

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).

- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2215/2024/KT2410.50/1-3

Khách hàng	:	Công ty SIKA Hữu hạn Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ	:	Số 3, đường 9, VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chẩn, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Loại mẫu	:	Mẫu khí thải
Ngày lấy mẫu	:	14/10/2024 Ngày thử nghiệm : 14/10/2024 – 29/10/2024
Thông tin về mẫu	:	KT2410.50/1: Khí thải ống khói số 1 (KT1) KT2410.50/2: Khí thải ống khói số 2 (KT2) KT2410.50/3: Khí thải ống khói số 5 (KT3)
Tình trạng hoạt động	:	Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			Giới hạn cho phép
				KT1	KT2	KT3	
1	Bụi tổng		US EPA Method 5	16	19	15	200 ⁽¹⁾
2	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO ₂	7,86	10,48	5,24	500 ⁽¹⁾
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO ₂	10,53	7,90	9,78	850 ⁽¹⁾
4	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	9,12	7,98	11,40	1000 ⁽¹⁾
5	Formaldehyt	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	<0,3	<0,3	<0,3	20 ⁽²⁾
6	Naphtalen	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	<0,12	<0,12	<0,12	150 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với bụi và các chất vô cơ;
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

Bùi Thị Thơm

CÁN BỘ QA/QC

Trần Mạnh Quân

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 2423/2024/KT2411.21/1-2

Khách hàng	: Công ty SIKA hữu hạn Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh
Địa chỉ	: Số 3, đường 9, VSIP Bắc Ninh, phường Phù Chẩn, TP. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Loại mẫu	: Khí thải
Ngày lấy mẫu	: 07/11/2024 Ngày thử nghiệm : 07/11/2024 – 19/11/2024
Thông tin về mẫu	: KT2411.21/1: Khí thải ống khói số 3 (KT4) KT2411.21/2: Khí thải ống khói số 4 (KT5)
Tình trạng hoạt động	: Công ty hoạt động bình thường trong thời gian lấy mẫu.

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		Giới hạn cho phép
				KT4	KT5	
1	Bụi tổng		US EPA Method 5	21	18	200 ⁽¹⁾
2	SO ₂	mg/Nm ³	CECP.KT.SO ₂	13,1	7,86	500 ⁽¹⁾
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	CECP.KT.NO ₂	5,64	7,52	850 ⁽¹⁾
4	CO	mg/Nm ³	CECP.KT.CO	6,84	5,7	1000 ⁽¹⁾
5	Formaldehyt	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	<0,3	<0,3	20 ⁽²⁾
6	Naphtalen	mg/Nm ³	PD CENTS 13649:2014	<0,12	<0,12	150 ⁽²⁾

Ghi chú:

- (1): QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp với bụi và các chất vô cơ;
- (2): QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

CÁN BỘ LẬP PHIẾU

Bùi Thị Thơm

CÁN BỘ QA/QC

Trần Mạnh Quân

Hà Nội, ngày 19 tháng 11 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trịnh Quang Hoan

- Kết quả này không được phép sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm môi trường và sản xuất sạch (CECP)
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm;
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu, CECP không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng;
- Thông tin về mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của người gửi mẫu;
- Kết quả NTP được đánh dấu (*).
- Ông không tham gia các yêu cầu của US EPA Method 5. Kết quả chỉ mang tính tham khảo.